
TRAO ĐỔI

Tổng quan về một số bảng xếp hạng đại học phổ biến trên thế giới

Đinh Ái Linh^{*,1}, Trần Trí Trinh²

¹Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Học viện Hành chính Quốc gia, Việt Nam

Nhận ngày 22 tháng 4 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 5 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 26 tháng 3 năm 2015

Tóm tắt: Xếp hạng đại học thế giới là xu thế không tránh khỏi khi giáo dục đại học Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế. Xếp hạng trường đại học ở phạm vi khu vực, toàn cầu đặt ra như một nhu cầu tất yếu của xã hội về quyền được thông tin về chất lượng và hoạt động của trường đại học. Tham gia xếp hạng đại học thế giới cũng là cách tích cực thúc đẩy các trường đại học nâng cao chất lượng, khẳng định rộng rãi (quốc gia, khu vực, thế giới) về chất lượng đào tạo của nhà trường. Các trường đại học Việt Nam cần chủ động tham gia xếp hạng đại học và cần biết sử dụng kết quả xếp hạng như một căn cứ khách quan để xác định những chỉ tiêu phấn đấu cho trường nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng tụt hậu so với thế giới.

Từ khóa: Đại học; xếp hạng đại học; bảng xếp hạng đại học thế giới.

Xếp hạng đại học thế giới được hiểu là xếp hạng đại học vượt qua ranh giới một quốc gia, bao gồm xếp hạng theo khu vực địa lý hay xếp hạng toàn cầu.* Tham gia xếp hạng đại học thế giới là cần thiết để có thể xác định vị trí các trường đại học so với khu vực và thế giới. Trong những năm gần đây, vấn đề xếp hạng đại học thế giới đã thu hút sự quan tâm của giới lãnh đạo và quản lý các trường đại học. Với các nhà lãnh đạo, quản lý trường đại học, kết quả xếp hạng đại học thế giới là căn cứ khách quan để đưa ra chỉ tiêu phấn đấu của trường đại học,

và cũng chính kết quả này sẽ là chứng cứ cho thấy mức độ đạt được các tiêu chí đã đặt ra [1]. Ở Việt Nam, thuật ngữ xếp hạng đại học bắt đầu xuất hiện trong chiến lược phát triển quốc gia, một trong những chỉ tiêu giáo dục đại học đến năm 2020 cần đạt là một trường đại học được xếp hạng trong số 200 trường đại học hàng đầu thế giới [2].

1. Xếp hạng trường đại học

Xếp hạng trường đại học (University Rankings) là xác định vị thế một trường đại học trong hệ thống các trường đại học ở phạm vi

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-942705077
Email: ailinh@vuhcm.edu.vn

quốc gia, phạm vi khu vực hay phạm vi toàn cầu. Xếp hạng trường đại học khởi đầu từ giới truyền thông (chủ yếu từ Hoa Kỳ). Các bảng xếp hạng đại học ban đầu đơn thuần chỉ nhằm mục đích cung cấp nhanh cho người tiêu dùng những thông tin về các trường đại học thích hợp với nhu cầu và khả năng của họ để họ quyết định nộp đơn vào học. Bản chất việc này không khác gì mua chiếc xe hơi loại nào đó, vì xã hội phương Tây từ lâu đã chấp nhận coi giáo dục đại học là dịch vụ và đi học là một hình thức đầu tư cho việc kiếm sống trong tương lai. Điều này giải thích vì sao những bảng xếp hạng đại học ban đầu đều do báo chí thực hiện nhằm phục vụ độc giả của họ và không mang tính học thuật.

Tác động của các kết quả xếp hạng trường đại học đối với xã hội khiến các nhà nghiên cứu giáo dục cảm thấy có trách nhiệm phải vào cuộc. Mục đích đầu tiên của giới nghiên cứu là tìm hiểu cơ sở khoa học của những kết quả này (vốn còn rất hạn chế), kế đến là phân tích, đánh giá những kết quả này (ban đầu chủ yếu là phê phán), và cuối cùng là đưa ra những giải pháp để cải thiện chất lượng các kết quả xếp hạng trường đại học.

Sự tham gia của các nhà khoa học vào xếp hạng đại học đã giúp các bảng xếp hạng đại học được cải thiện và trở nên là nguồn thông tin tương đối có ý nghĩa cho sinh viên - cần những thông tin để chọn trường, nhà tuyển dụng - cần tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp, nhà lãnh đạo, quản lí - so sánh chất lượng, hiệu quả của trường mình với các trường đại học khác. Xếp hạng trường đại học ban đầu chỉ là xếp hạng phạm vi quốc gia, sau đó mở rộng thành xếp hạng trên phạm vi khu vực địa lí, phạm vi toàn cầu.

Quá trình hình thành và phát triển xếp hạng đại học có thể được chia thành ba giai đoạn:

- Giai đoạn khởi đầu: Bắt đầu từ giới truyền thông, các bảng xếp hạng đại học đơn thuần nhằm mục đích cung cấp những thông tin liên quan đến các trường đại học, chuyên ngành đào tạo, đội ngũ giảng viên,... cho sinh viên cần thông tin để chọn trường đại học. Những thông tin về các trường đại học còn mang tính đơn lẻ, chưa có tính hệ thống.

- Giai đoạn xếp hạng đại học phạm vi quốc gia: Đi đầu trong việc xếp hạng trường đại học quy mô quốc gia là khu vực các nước nói tiếng Anh như: Anh, Mỹ, Australia, Canada,... Hàng năm khu vực này thu hút một lượng lớn người học từ các nước khác đến học ở bậc đại học. Do vậy, nhu cầu cung cấp nguồn thông tin so sánh để làm nguồn tham khảo nhanh chóng cho người học là một nhu cầu có thật. Năm 1983, US News and World Report - USNWR công bố bảng xếp hạng đại học lần đầu tiên ở Hoa Kỳ. Trong những năm 1990, Canada - McLean, Nhật Bản - Asahi News, Anh - The Times, Đức - Trung tâm nghiên cứu giáo dục đại học... lần lượt thực hiện xếp hạng trường đại học trong nước.

- Giai đoạn xếp hạng đại học phạm vi toàn cầu: Xếp hạng trường đại học so với những trường đại học hàng đầu trong khu vực, hay trên phạm vi toàn cầu. Khi giáo dục đại học quốc tế hóa ngày càng nhiều, thì không ngạc nhiên gì khi xếp hạng trường đại học mở rộng phạm vi toàn cầu. Hàng năm có gần ba triệu sinh viên xuất ngoại học tập cần những thông tin hữu ích từ các bảng xếp hạng đại học phạm vi toàn cầu. Các trường đại học tìm cách so sánh với các trường đại học trên thế giới để tạo ra sự cạnh tranh thu hút sinh viên và giảng viên. Trong những năm đầu của thế kỉ 21, bảng xếp hạng đại học ARWU của Đại học Giao thông Thượng Hải - SJTU, bảng xếp hạng đại học THES (Times Higher Education Supplement) của Tạp chí Times hợp tác với Quacquarelli

Symonds,... lần lượt thực hiện xếp hạng trường đại học ở phạm vi toàn cầu [3].

Mặc dù các bảng xếp hạng đại học chưa thật sự hoàn hảo nhưng nó đáp ứng nhu cầu thông tin và tính minh bạch giữa Nhà nước - Nhà trường - Xã hội [4]. Xếp hạng trường đại học là xu thế không tránh khỏi, dù muốn hay không, các trường đại học cần chủ động tham gia vào thời điểm thích hợp. Tham gia xếp hạng đại học để xác định mình đang ở đâu trong tương quan so sánh với các trường đại học trong khu vực, và trên thế giới, từ đó xác lập những cột mốc làm mục tiêu phát triển trường cho mỗi chặng đường.

2. Tính tất yếu của xếp hạng đại học thế giới

Xếp hạng đại học thế giới là xu thế của giáo dục đại học trong thời đại toàn cầu hóa. Xếp hạng đại học ban đầu chỉ là xếp hạng quốc gia, sau đó mở rộng thành xếp hạng đại học trên phạm vi khu vực địa lý, phạm vi toàn cầu. Có ba yếu tố tác động khiến mở rộng phạm vi xếp hạng đại học từ phạm vi quốc gia đến phạm vi khu vực, phạm vi toàn cầu:

i) Quá trình toàn cầu hóa trong giáo dục đại học khiến người ta có nhu cầu so sánh chất lượng giáo dục các trường đại học ở các quốc gia khác nhau, và điều này dẫn đến hình thành xếp hạng đại học thế giới;

ii) Sự cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục đại học khiến các trường đại học bắt đầu chú ý đến vị trí của mình trong phạm vi khu vực, phạm vi toàn cầu và bắt đầu coi đó là một mục tiêu để cạnh tranh thu hút sinh viên, đồng thời để xem xét, cải thiện chất lượng đào tạo của mình;

iii) Sự phát triển kinh tế tri thức khiến các chính phủ các nước càng nhận thức tầm quan trọng của giáo dục đại học, nhiều nước coi thứ

hạng của mình trong xếp hạng đại học thế giới như một chỉ báo phản ánh năng lực cạnh tranh của mình.

Trung Quốc là một điển hình xây dựng hệ thống xếp hạng thế giới ARWU nhằm mục đích xác định khoảng cách của những trường đại học hàng đầu của Trung Quốc với những trường đại học hàng đầu trên thế giới [5].

Xếp hạng đại học thế giới xác định vị thế một trường đại học so với những trường đại học hàng đầu của khu vực và trên phạm vi toàn cầu. Vị trí này được xem là chỉ báo cho năng lực cạnh tranh của một quốc gia trong nền kinh tế tri thức. Điều này xuất phát từ nhận thức trường đại học có vai trò quan trọng trong nền kinh tế tri thức vì là nơi kiến tạo tri thức và là nơi khởi nguồn công cuộc xây dựng và phát triển của một quốc gia.

Bên cạnh đó, xếp hạng đại học thế giới còn phục vụ cho mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học của một quốc gia, đưa các trường đại học hàng đầu của một quốc gia lên vị trí hàng đầu thế giới. Tham gia xếp hạng đại học thế giới để tìm câu trả lời trả lời: Trường đại học đang nằm ở vị trí nào trong tương quan so sánh với các trường đại học hàng đầu trong phạm vi khu vực hay phạm vi toàn cầu? Khoảng cách này bao xa? Và khả năng đuổi kịp thế nào? Mỗi quốc gia đều hi vọng tìm được câu trả lời để giúp tìm ra những chỗ yếu cần bổ khuyết, với hi vọng để một ngày nào đó có thể xây dựng được những trường đại học ngang tầm khu vực, thế giới.

Do vậy, việc tìm ra một bảng xếp hạng đại học thế giới phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện hoạt động là rất cần, để các trường đại học chủ động tham gia “cuộc chơi” xếp hạng đại học trong xu thế giáo dục đại học hội nhập thế giới.

3. Một số bảng xếp hạng đại học thế giới phổ biến

Cho đến nay (tháng 4/2011), có đến 15 bảng xếp hạng đại học thế giới được nêu trên trang Wikipedia [6]. Có nhiều bảng xếp hạng đại học thế giới khác nhau - điều này cho thấy tính hai mặt của việc xếp hạng đại học thế giới, đó là:

i) Không một bảng xếp hạng đại học nào hoàn toàn phù hợp với tất cả trường đại học vì chúng rất đa dạng về sứ mạng, mục tiêu và điều kiện hoạt động;

ii) Dù có những khiếm khuyết và bất cập, nhưng các bảng xếp hạng đại học thế giới vẫn ít nhiều có ích trong việc tìm ra những trường đại học có điều kiện tương tự nhưng lại có vị trí tốt hơn, để học hỏi và đầu tư để cải thiện vị thế.

Trong những bảng xếp hạng đại học thế giới phổ biến nhất là bảng xếp hạng ARWU, bảng xếp hạng THE và bảng xếp hạng QS World.

3.1. Bảng xếp hạng đại học Academic Ranking of World Universities - ARWU

Bảng xếp hạng đại học ARWU của Trường Đại học Giao thông Thượng Hải (SJTU) ra đời năm 2003. Bảng xếp hạng đại học ARWU là một dự án của một số nhà khoa học Trung Quốc nhằm đưa ra kết quả xếp hạng độc lập với các trường đại học trên thế giới nhằm mục đích chủ yếu để tìm hiểu xem khoảng cách những trường đại học hàng đầu Trung Quốc với các trường đại học tầm cỡ thế giới (world class) của nước khác, từ đó lập kế hoạch theo kịp các trường đại học này.

Bảng xếp hạng ARWU sử dụng 6 tiêu chí xếp hạng các trường đại học theo 4 nhóm: chất lượng đào tạo, chất lượng giảng viên, thành tích nghiên cứu khoa học, hiệu suất khoa học [7]:

Với những tiêu chí trên, bảng xếp hạng ARWU nghiêng về trường đại học nghiên cứu, chú trọng thành tích nghiên cứu của giảng viên và cựu sinh viên, nhưng chưa chú trọng các yếu tố khác như chương trình đào tạo, sự hài lòng của sinh viên,...

Trong những bảng xếp hạng đại học thế giới hiện nay, bảng xếp hạng ARWU được đánh giá có phương pháp khách quan, minh bạch, đáng tin cậy và cho kết quả ổn định nhất. Cách xếp hạng trường đại học của ARWU chỉ xem xét các kết quả liên quan đến thành tích nghiên cứu khoa học, thành tích đào tạo của các trường đại học được xếp hạng. Số liệu sử dụng trong bảng xếp hạng của ARWU được lấy từ nguồn thông tin sẵn có của bên thứ ba, chứ không phải số liệu cho chính các trường đại học cung cấp. Để chọn ra 500 trường đại học, bảng xếp hạng ARWU đã khảo sát và tìm hiểu 1.200 trường đại học trên toàn thế giới.

Phải nhìn nhận rằng, bảng xếp hạng ARWU là một bảng xếp hạng đại học được cả thế giới ngưỡng mộ, nhưng nó chỉ phù hợp với các trường đại học nghiên cứu của các nước phát triển. Nhưng rất buồn, các trường đại học có trình độ phát triển thấp như Việt Nam rõ ràng khó có thể tham gia vào bảng xếp hạng ARWU.

3.2. Bảng xếp hạng đại học Times Higher Education - THE

Bảng xếp hạng đại học THE ra đời năm 2010, sau khi sự hợp tác giữa Tạp chí Times (Times Higher Education) và Quacquarelli Symonds - QS, một công ty truyền thông giáo dục tạo ra hệ thống xếp hạng đại học THES hay THE-QS chấm dứt vào năm 2009 sau 6 năm hoạt động. Sự chấm dứt này do THE không hài lòng về phương pháp xếp hạng đại học thiếu ổn định và có thời gian gây nhiều tai tiếng của

THE-QS, và vì vậy THE đã đi tìm đối tác khác để thực hiện một bảng xếp hạng đại học có chất lượng cao hơn [8].

Do là đối tác của QS trong một thời gian dài nên phương pháp xếp hạng đại học THE có những điểm tương đồng với QS, đặc biệt là các tiêu chí xếp hạng (cả THE và QS đều tập trung vào 3 tiêu chí nghiên cứu, giảng dạy và quốc tế hóa). Tuy nhiên, khi THE chuyển sang hợp tác với Thomson Reuteur, số loại chỉ báo, số lượng chỉ báo, trọng số từng loại chỉ báo có khác.

Bảng xếp hạng THE sử dụng 13 tiêu chí để xếp hạng các trường đại học thuộc 6 lĩnh vực giáo dục đại học, các tiêu chí được phân thành 5 loại: môi trường dạy học; năng lực nghiên cứu; chất lượng nghiên cứu; chuyển giao công nghệ; và quốc tế hóa [9].

Hiện nay, bảng xếp hạng THE vẫn là sự lựa chọn của nhiều trường đại học khi nhận biết trường mình ít có cơ hội lọt vào danh sách của bảng xếp hạng ARWU. Bảng xếp hạng THE đã nhận thức tầm quan trọng của việc giảng dạy trong việc xếp hạng trường đại học và đưa vào nhiều thông số: Uy tín giảng dạy, tỉ lệ giảng viên/sinh viên, số lượng luận văn mang tính hợp tác quốc tế, và nhiều thông số khác. Bảng xếp hạng THE cố gắng tích hợp các chức năng chính của trường đại học, đó là nghiên cứu khoa học, giảng dạy, kết nối với doanh nghiệp, và quốc tế hóa. Mặc dù vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, nhưng bảng xếp hạng THE rất đáng quan tâm, là một bảng xếp hạng trường đại học khá chặt chẽ, cân đối và minh bạch hơn [10].

3.3. Bảng xếp hạng đại học Quacquarelli Symonds - QS World

Bảng xếp hạng QS World là sự hợp tác giữa Quacquarelli Symonds- QS và US News từ năm

2010. Trước đó, Quacquarelli Symonds hợp tác với tạp chí Times Higher Education - THE hình thành bảng xếp hạng đại học dưới tên gọi đầu tiên THES, sau đó là THE-QS từ năm 2004 đến năm 2009. Sau khi hợp tác với THE chấm dứt, QS tiếp tục sử dụng bảng xếp hạng đại học này, đổi tên thành QS World.

QS có mạng lưới rộng lớn kết nối các trường đại học trên thế giới. Mỗi năm tổ chức này tổ chức trên 200 hội nghị, hội chợ triển lãm giáo dục đại học với sự tham gia của hơn 1.000 trường đại học trên khắp các châu lục. Hơn 46.000 học giả và 25.000 nhà tuyển dụng đã đóng góp quan điểm trong các cuộc khảo sát các trường đại học trên quy mô toàn cầu này. QS cung cấp hai loại hình đánh giá trường đại học là loại xếp thứ hạng (Universities Ranking Systems) và gắn sao (Star Rating).

Giáo sư Eastwood (Đại học Birmingham) nhận xét: "*Mặc dù chúng tôi biết tất cả phương pháp xếp hạng các trường đại học đều có những hạn chế nhưng chúng tôi vẫn coi trọng và đánh giá cao bảng xếp hạng đại học thế giới QS World bởi vì nó sử dụng dữ liệu rõ ràng, chất lượng cao, chỉ số đánh giá khá ổn định, từ đó chúng ta có thể nhận ra và hiểu được xu hướng phát triển của các trường đại học trên thế giới. Chúng tôi tin rằng đó là một lợi thế tạo nên bảng xếp hạng đại học thế giới QS World*".

Hiện nay, bảng xếp hạng QS World vẫn là sự lựa chọn của nhiều trường đại học trên thế giới, nhiều nước khu vực Đông Nam Á tham gia bảng xếp hạng QS World và đã lọt được vào top 500 (thậm chí trong top 200-300) như Malaysia, Thái Lan, Indonesia, vv... Các tiêu chí xếp hạng trường đại học đa dạng cũng là nguyên nhân để các trường đại học lựa chọn QS World, ngoài tiêu chí liên quan đến chất lượng nghiên cứu (nhưng không khắt khe như ARWU), còn có những tiêu chí liên quan đến yếu tố giảng dạy (tỉ lệ giảng viên/sinh viên),

mức độ quốc tế hóa của một trường đại học (tỉ lệ giảng viên quốc tế, tỉ lệ sinh viên quốc tế).

Mặc dù bị phê phán là bảng xếp hạng đại học có độ chính xác không cao, không ổn định, ... nhưng bảng xếp hạng QS World phản ánh được danh tiếng của trường đại học, dựa trên những thành tựu có thực của trường trên mọi mặt hoạt động, chứ không chỉ tập trung riêng vào lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Ngoài việc đưa ra bảng xếp hạng toàn cầu (400 trường đại học tốt nhất trong năm), bảng xếp hạng QS World còn có các bảng xếp hạng khu vực phụ theo châu lục [11].

3.3.1. Bảng xếp hạng QS World

Bảng xếp hạng QS World thu thập dữ liệu từ các quốc gia khác nhau trên 6 khía cạnh quan trọng trong hoạt động trường đại học (thể hiện bằng 6 tiêu chí) để tiến hành xếp hạng các trường đại học. Các tiêu chí của bảng xếp hạng đại học thế giới QS World bao gồm:

i) Uy tín học thuật: Chỉ số "uy tín học thuật" dựa vào nghiên cứu trình độ của năm chuyên ngành khoa học (*khoa học đời sống, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin và kỹ thuật, khoa học xã hội và nghệ thuật và nhân văn*) để đánh giá chất lượng học thuật của các trường đại học trên thế giới. Chỉ số này đã trở thành một chỉ số quan trọng, cốt lõi của bảng xếp hạng trường đại học của Hoa Kỳ. Bảng xếp hạng đại học thế giới QS World năm 2012 có đến 46.079 học giả (giảng viên, nhà khoa học) tham gia công tác điều tra khảo sát. Khảo sát đối tượng theo khu vực: Mỹ; Châu Âu, Trung Đông và Châu Phi; khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Số liệu điều tra thu thập từ 5 chuyên ngành của các trường đại học trong khu vực và thế giới để thực hiện thống kê, số liệu này phải được cân đối trước khi đưa ra kết quả cuối cùng (có thể truy cập www.iu.qs.com).

Mặc dù số liệu thống kê khá tin cậy, nhưng cuộc khảo sát điều tra về "uy tín" trường đại học ít nhiều cũng có sự thiên vị nhất định, ví dụ đối với một số trường đại học ở các nước nói tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính để giảng dạy thì cũng sẽ là một lợi thế nâng uy tín của trường.

ii) Trích dẫn nghiên cứu khoa học của giảng viên - chất lượng nghiên cứu: Muốn tìm hiểu thực lực và truyền thống nghiên cứu khoa học của một trường đại học người ta dựa vào số lần trích dẫn của các kết quả nghiên cứu khoa học xuất hiện trên các tạp chí khoa học hàng đầu thế giới. Đây cũng là chỉ số xếp hạng đại học khá phổ biến trong các bảng xếp hạng đại học thế giới. Từ năm 2007 đến nay, bảng xếp hạng đại học thế giới QS World sử dụng nguồn dữ liệu do Tập đoàn xuất bản Elsevier của Sci Verse Scopus (www.scopus.com) cung cấp và được trang web of science của Thomson Reuters bổ sung dữ liệu trích dẫn khoa học.

iii) Tỉ lệ giảng viên/sinh viên - chất lượng giảng dạy: Tỉ lệ giảng viên/sinh viên là chỉ số khá phổ biến dùng để phản ánh mức độ nhà trường đầu tư cho công tác giảng dạy. Mặc dù chỉ số này vẫn chưa phải là tối ưu, nhưng giúp xác định chất lượng giảng dạy của các trường đại học khi chưa tìm được chỉ số nào thay thế. Tỉ lệ giảng viên/sinh viên càng thấp thì càng tốt, vì sinh viên sẽ có nhiều cơ hội được giảng viên quan tâm, tư vấn nhiều hơn.

iv) Uy tín đối với nhà tuyển dụng - năng lực làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Đây là một chỉ số đánh giá chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Hàng năm, tổ chức QS thực hiện điều tra các nhà tuyển dụng toàn cầu. Năm 2011, tổ chức QS tiến hành khảo sát điều tra 17.000 nhà tuyển dụng toàn cầu. Đến năm 2013 đã tăng số lượng điều tra khảo sát nhà tuyển dụng toàn cầu lên đến 28.000 người thuộc tất cả các ngành nghề trên 50 quốc gia thuộc các khu vực địa lí khác nhau trên thế giới [12].

v) Số lượng giảng viên quốc tế - tầm nhìn quốc tế: Chỉ số này đánh giá cơ chế thu hút, đãi ngộ giảng viên hiệu quả của một trường đại học. Tỷ lệ giảng viên quốc tế không chỉ phản ánh sự đa dạng hóa của trường đại học mà còn thể hiện được tầm nhìn chiến lược của nhà trường. Cách thức xác định giảng viên quốc tế của trường đại học dựa vào số liệu thô (số lượng giảng viên có hộ chiếu nước ngoài), tỷ lệ giảng viên nước ngoài càng cao thì đạt điểm số càng cao. Tuy nhiên, tỷ lệ này quá cao thì chưa chắc đã là tốt cho các trường đại học vì có thể giảng viên chất lượng kém ở các nước phát triển buộc phải ra nước ngoài tìm việc làm. Các trường đại học kém chất lượng cũng khó tuyển được những giảng viên xuất sắc trong nước.

vi) Số lượng sinh viên quốc tế - tầm nhìn quốc tế: Tỷ lệ sinh viên quốc tế là một tiêu chuẩn đánh giá sự đa dạng hóa của một trường đại học. Nó còn thể hiện một phần cam kết của trường đại học đối với lưu học sinh nước ngoài về chất lượng giáo dục của nhà trường. Phương pháp thu thập dữ liệu sinh viên quốc tế cũng giống như phương pháp thu thập dữ liệu giảng viên quốc tế. Dữ liệu này không tính đến việc trao đổi sinh viên quốc tế. Tỷ lệ sinh viên nước ngoài càng cao thì đạt điểm số càng cao. Tuy nhiên tỷ lệ này quá cao cũng chưa chắc đã là tốt. Đại đa số sinh viên đều chọn lựa những nước không bị trở ngại về ngôn ngữ để theo học. Do đó những nước nói tiếng Anh sẽ lợi thế trong việc thu hút sinh viên quốc tế hơn các nước khác.

3.3.2. Các bảng xếp hạng QS châu Á, QS châu Mỹ Latin, QS BRICS

Ngoài việc đưa ra danh sách 400 trường đại học được điểm cao nhất thế giới trong năm, QS World phát triển các bảng xếp hạng đại học theo châu lục, [13] bao gồm QS Châu Á, QS Châu Mỹ Latin, QS BRICS,...

1) Bảng xếp hạng QS Châu Á - QS Asian University Rankings

Bảng xếp hạng QS Châu Á chọn ra 300 trường đại học hàng đầu Châu Á để công bố thường niên bắt đầu từ năm 2009. Bảng xếp hạng QS Châu Á được điều chỉnh chặt chẽ hơn, phản ánh được hoàn cảnh và đặc thù của các trường đại học trong khu vực, qua đó cung cấp một cái nhìn toàn cảnh về giáo dục đại học ở châu Á.

Bảng xếp hạng QS Châu Á sử dụng 9 tiêu chí, [14] chứ không phải 6 tiêu chí như đã được sử dụng trong bảng xếp hạng QS World. Trong bảng xếp hạng QS World chú trọng nhiều đến chất lượng nghiên cứu thông qua khảo sát đánh giá đồng cấp về lĩnh vực học thuật và số lượng các bài báo khoa học được trích dẫn, vì vậy đặt trọng số tương đối cao vào 2 tiêu chí này. Trong khi bảng xếp hạng QS Châu Á chỉ lướt qua số lượng các bài báo khoa học được trích dẫn, vì vậy các tiêu chí này có trọng số tương đối thấp. Ở khía cạnh quốc tế hóa, bảng xếp hạng QS châu Á tỷ lệ trao đổi sinh viên được tính gồm trao đổi sinh viên trong nước và trao đổi sinh viên với nước ngoài.

Bộ tiêu chuẩn của bảng xếp hạng QS Châu Á được thiết kế với sự tham gia tư vấn của các chuyên gia và các bên có liên quan (stakeholders) trong khu vực. Nó phản ánh được những điểm quan trọng của các trường đại học trong khu vực và dữ liệu sẵn có về các trường đại học trong khu vực, tạo điều kiện thuận lợi phục vụ cho việc đối sánh được chính xác và có ý nghĩa.

Bảng xếp hạng QS Châu Á dựa trên 9 chỉ số với trọng số như sau:

i) Uy tín học thuật (30%): QS mỗi năm đều tiến hành khảo sát toàn cầu và đưa ra các dữ liệu về danh tiếng học thuật. Thông qua cuộc điều tra, tìm ra được những trường đại học dẫn đầu về học thuật đưa vào bảng xếp hạng đại học của QS và các báo cáo do QS công bố. Mục đích là đưa ra chỉ số đánh giá danh tiếng mạnh

về học thuật cho các trường đại học trong cộng đồng khoa học quốc tế.

ii) Uy tín của trường đại học thông qua nhà tuyển dụng (10%): QS thực hiện các cuộc khảo sát quốc tế đối với nhà tuyển dụng. Nhà tuyển dụng sẽ cho ý kiến về chất lượng sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học có đáp ứng nhu cầu của họ như thế nào. Nhà tuyển dụng với tư cách là khách hàng của trường đại học nhận sản phẩm đào tạo của nhà trường.

iii) Tỷ lệ giảng viên/sinh viên (20%): Chỉ số này thể hiện số giảng viên toàn thời gian trên mỗi sinh viên nhập học. Mục đích để đánh giá mức độ mỗi sinh viên nhận được sự tiếp xúc hỗ trợ trực tiếp từ giảng viên trong học tập, nghiên cứu tại trường.

iv) Trích dẫn bài báo khoa học (15%): Dữ liệu được sử dụng từ cơ sở dữ liệu Scopus chuyên công bố các ấn phẩm khoa học và số lượng trích dẫn bài báo khoa học. Chỉ số này đánh giá số lượng trích dẫn trên mỗi bài nghiên cứu được công bố của mỗi trường đại học. Mục đích là cung cấp tác động kết quả nghiên cứu của nhà trường trong cộng đồng nghiên cứu.

v) Số lượng bài báo khoa học trên mỗi giảng viên (15%): Dữ liệu cũng dựa trên cơ sở dữ liệu Scopus. Chỉ số này đưa ra số lượng bài báo khoa học được xuất bản, công trình nghiên cứu được công bố trên tỉ lệ mỗi giảng viên. Nó đánh giá trình độ nghiên cứu của đội ngũ giảng viên trong một trường đại học.

vi) & vii) Tỷ lệ giảng viên quốc tế (2,5%) và tỉ lệ sinh viên quốc tế (2,5%): Hai chỉ số này thể hiện “mức độ quốc tế hóa” của một trường đại học. Điều này phản ánh một thực tế tiêu chí quốc tế hóa đặc biệt quan trọng và được quan tâm đối với các trường đại học Châu Á. Hai chỉ số này cũng được sử dụng trong bảng xếp hạng QS World.

viii & ix) Tỷ lệ sinh viên trao đổi trong nước (2,5%) và tỉ lệ trao đổi sinh viên ra nước ngoài (2,5%): Hai chỉ số cuối cùng này được sử dụng bổ sung vào các hoạt động quốc tế hóa tại các trường đại học Châu Á, nhằm đánh giá quy mô các chương trình trao đổi sinh viên nước ngoài vào học trong trường đại học và số sinh viên từ trong trường ra nước ngoài học tập. Hai chỉ số này không sử dụng trong bảng xếp hạng QS World.

2) Bảng xếp hạng QS Châu Mỹ Latin - QS Latin America University Rankings

Bảng xếp hạng QS Châu Mỹ Latin chọn ra 300 trường đại học trong top đầu ở Châu Mỹ Latin để công bố thường niên bắt đầu từ năm 2011. Bảng xếp hạng QS Châu Mỹ Latin sử dụng 7 tiêu chí với trọng số như sau:

i) Uy tín học thuật (30%): Cũng như các bảng xếp hạng đại học của QS, chỉ số uy tín học thuật được tính toán dựa trên kết quả nghiên cứu toàn cầu về học thuật được tiến hành mỗi năm. Dữ liệu thu thập qua các cuộc khảo sát về uy tín học thuật của nhà trường.

ii) Uy tín nhà trường thông qua nhà tuyển dụng (20%): Với quan điểm cho rằng thị trường lao động rất quan trọng, QS tiến hành khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp. Thông qua các cuộc điều tra nghiên cứu toàn cầu, xác định nhu cầu và quan điểm cần tuyển dụng đối với nhà trường.

iii) Tỷ lệ đội ngũ giảng viên/ sinh viên (10%): Chỉ số này đánh giá đội ngũ giảng viên toàn thời gian trên mỗi sinh viên ghi danh nhập học. Mục đích để đánh giá mức độ mỗi sinh viên nhận được sự tiếp xúc hỗ trợ trực tiếp từ giảng viên trong học tập, nghiên cứu tại trường. Tỷ lệ này càng thấp càng tốt vì mỗi sinh viên có thể nhận được sự hỗ trợ trực tiếp của giảng viên trong học tập và nghiên cứu. Hiện nay, chỉ số

này vẫn đáng tin cậy trong lúc chưa tìm được các chỉ số nào thay thế.

iv) Trích dẫn bài báo khoa học (10%): Dữ liệu được sử dụng từ cơ sở dữ liệu Scopus chuyên công bố các ấn phẩm khoa học và số lượng trích dẫn bài báo khoa học. Chỉ số này phản ánh tác động kết quả nghiên cứu của một trường đại học, tính theo số lượng trung bình trích dẫn của các bài báo khoa học được xuất bản.

v) Số lượng bài báo khoa học trên mỗi giảng viên (10%): Chỉ số này phản ánh số lượng bài báo được xuất bản trên mỗi giảng viên. Chỉ số này cũng dựa trên cơ sở dữ liệu Scopus bao gồm tất cả bài báo khoa học được xuất bản, công trình nghiên cứu được công bố bằng tất cả các thứ tiếng, miễn là có bản tóm tắt (Abstract) bằng tiếng Anh.

vi) Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ (10%): Chỉ số này được lần đầu tiên đưa vào bảng xếp hạng QS Châu Mỹ Latin vào năm 2011, thông qua việc nhìn nhận tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ là yếu tố đối sánh quan trọng đối với các trường đại học trong vùng. Chỉ số này đơn giản được tính toán dựa trên tỉ lệ giảng viên có bằng tiến sĩ hoặc tương đương.

vii) Tác động của trang Web (10%): Cuối cùng, bảng xếp hạng QS Châu Mỹ Latin đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc đối với các trường đại học Mỹ - Latin với sự hiện diện trực tuyến mạnh nhất, dựa trên xếp hạng Webometrics ranking. Chỉ số này là một trong những cam kết của các trường đại học Châu Mỹ Latin trong việc mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu thông qua trang Web.

3) Bảng xếp hạng QS BRICS

Bảng xếp hạng QS BRICS xuất hiện năm 2013. Đây là bảng xếp hạng dành riêng cho 200 trường đại học hàng đầu của BRICS (Brazil,

Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi). Bảng xếp hạng này do QS phối hợp với các cơ quan thông tấn Nga Interfax thực hiện việc xếp hạng.

Bảng xếp hạng QS BRICS sử dụng 8 tiêu chí để đánh giá 4 lĩnh vực chủ yếu: nghiên cứu, giảng dạy, tuyển dụng việc làm, triển vọng quốc tế.

i) Uy tín học thuật (30%): Dựa trên các cuộc điều tra khảo sát chính thức QS đối với các học giả toàn cầu để xác định trường đại học hàng đầu theo các lĩnh vực chuyên môn.

ii) Uy tín nhà trường thông qua nhà tuyển dụng (20%): Dựa trên các cuộc điều tra khảo sát chính thức QS đối với nhà tuyển dụng sử dụng sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở đào tạo này nhằm xác định chất lượng đào tạo sinh viên giỏi nhất.

iii) Tỷ lệ đội ngũ giảng viên/sinh viên (20%): Chỉ số này đánh giá đội ngũ giảng viên toàn thời gian trên mỗi sinh viên ghi danh nhập học nhằm xác định việc giảng dạy và hỗ trợ sinh viên.

iv) Đội ngũ có trình độ tiến sĩ (10%): Dựa trên tỉ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, chỉ số này nhằm đánh giá các trường đại học thành công trong việc tuyển dụng giảng viên có trình độ cao - một quan tâm lớn đối với các nước thuộc BRICS.

v) Số lượng bài báo khoa học trên mỗi giảng viên (10%): Dữ liệu sử dụng từ cơ sở dữ liệu Scopus. Chỉ số này đánh giá khả năng nghiên cứu dựa trên hàng loạt các ấn phẩm nghiên cứu của đội ngũ giảng viên.

vi) Trích dẫn bài báo khoa học (5%): Dữ liệu sử dụng từ cơ sở dữ liệu Scopus. Chỉ số này đánh giá tác động nghiên cứu dựa trên tầng số trích dẫn các ấn phẩm khoa học của trường đại học được những nhà nghiên cứu khác trích dẫn.

vii) **Đội ngũ giảng viên quốc tế (2,5%):** Chỉ số thể hiện phần trăm giảng viên quốc tế giảng dạy tại trường, chứng tỏ khả năng thu hút giảng viên nước ngoài của nhà trường.

viii) **Sinh viên quốc tế (2,5%):** Chỉ số thể hiện phần trăm sinh viên quốc tế học tập tại trường, chứng tỏ sự hấp dẫn của trường đại học trên phạm vi toàn cầu.

3.3.3. Bảng xếp hạng QS Stars

Bên cạnh việc đánh giá xếp thứ hạng trường đại học (Universities Ranking), QS còn cung cấp loại hình đánh giá trường đại học thông qua việc gắn sao (Star Rating).

QS Stars gắn cho các trường đại học tham gia xếp hạng từ “một sao” đến “năm sao cộng” dựa vào 8 tiêu chí: chất lượng nghiên cứu, chất lượng giảng dạy, sinh viên ra trường có việc làm, cơ sở hạ tầng, quốc tế hóa, sự sáng tạo và chuyên giao kiến thức, sứ mệnh và chuyên môn.

Mục đích của QS Stars là cung cấp cho người học những thông tin có ích trong việc chọn trường đại học. QS Stars đặc biệt quan tâm đến nhu cầu của người học, trong khi các bảng xếp hạng đại học khác ít quan tâm yếu tố này. Với QS Stars, người học có thể nhìn thấy bức tranh toàn cảnh chất lượng của một trường đại học.

Việc gắn sao trường đại học được QS thiết kế như sau:

i) Trường đại học Một sao được thiết lập dựa trên những thành phần cốt yếu để cung cấp dịch vụ có chất lượng cho sinh viên. Đây là nền tảng cần có trong việc xây dựng danh tiếng nhà trường.

ii) Trường đại học Hai sao là trường rất năng động trong nghiên cứu và thiết lập được uy tín trong nước. Trường đại học có vai trò quan trọng đối với cộng đồng địa phương và bắt đầu vươn ra ở phạm vi quốc tế.

iii) Trường đại học Ba sao là trường đại học được công nhận ở phạm vi quốc gia và bắt đầu được quốc tế công nhận. Trường đại học duy trì mức độ uy tín và sinh viên tốt nghiệp của trường là nguồn nhân lực hấp dẫn đối với nhà tuyển dụng.

iv) Trường đại học Bốn sao mang tính quốc tế cao, thể hiện xuất sắc cả trên phương diện giảng dạy và nghiên cứu. Trường đại học cung cấp một môi trường học tập và nghiên cứu lí tưởng cho cả giảng viên lẫn sinh viên.

v) Trường đại học Năm sao là trường đại học đẳng cấp thế giới trên một số lĩnh vực, là trường đại học có cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu nổi tiếng thế giới.

vi) Trường đại học Năm Sao cộng không chỉ thuộc loại đẳng cấp thế giới mà còn là điểm đến mơ ước đối với giảng viên và sinh viên ưu tú nhất trên khắp thế giới. Thương hiệu này bất kì ai cũng có thể biết đến. Năm sao cộng được xem như là cơ sở giáo dục đại học có chất lượng hàng đầu thế giới.

Việc gắn sao cho các trường đại học dựa trên các tiêu chí như những tiêu chí trụ cột chính tạo nên một trường đại học đẳng cấp thế giới, có tính đến một số các yếu tố mà các bảng xếp hạng đại học trước đây bỏ qua, không đề cập đến.

i) **Nghiên cứu:** Các chỉ số này đánh giá về chất lượng và năng lực nghiên cứu trong nước (thí dụ: những bài báo khoa học đã xuất bản), chỉ số trích dẫn (thí dụ: công nhận và được tham khảo trích dẫn cho các bài báo khoa học của các học giả khác,...) và chỉ số về giải thưởng (thí dụ: giải thưởng Nobel hoặc giải Fields,...).

ii) **Giảng dạy:** Nhiệm vụ cơ bản của trường đại học là giảng dạy có chất lượng. Các chỉ số này thể hiện chất lượng giảng dạy trong nước, thu thập ý kiến phản hồi của sinh

viên, khảo sát sinh viên trong nước và tỉ lệ giảng viên/sinh viên.

iii) Việc làm sau tốt nghiệp: Ở tiêu chí này được điều tra các nhà tuyển dụng, điều tra tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm và mức lương trung bình của sinh viên tốt nghiệp. Chỉ số này đánh giá khả năng đáp ứng công việc một cách tốt nhất trong thị trường lao động yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao.

iv) Thiết bị, cơ sở vật chất: Cơ sở hạ tầng của một trường đại học là một chỉ số quan trọng, cung cấp thông tin cho người học về môi trường học tập của họ. Chỉ số này bao gồm cả cơ sở vật chất về sân bãi, thiết bị thể thao và y tế trong nhà trường.

v) Quốc tế hóa: Chỉ số quốc tế hóa thể hiện tỉ lệ sinh viên/giảng viên, số lượng trao đổi sinh viên quốc tế, số lượng và khả năng hợp tác quốc tế với các trường đại học khác hoặc số lượng sinh viên tốt nghiệp tiếp tục theo học nâng cao trình độ ở các trường đại học nước ngoài.

vi) Sức sáng tạo: Sức sáng tạo, sản phẩm đầu ra và các phát minh của trường đại học đóng góp cho nền kinh tế, cho xã hội.

vii) Sự đóng góp cho cộng đồng và xã hội: Chỉ số này đánh giá sự đóng góp có hiệu quả của các trường đại học đối với cộng đồng địa phương.

viii) Truy cập thông tin: Chỉ số này đánh giá khả năng sinh viên tiếp cận thông tin của trường đại học. Ví dụ: các thông tin về học bổng...

4. Khả năng tham gia các bằng xếp hạng đại học thế giới của các trường đại học Việt Nam

4.1. Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng (The International Network for Quality Assurance Agencies in Higher Education - INQAAHE) nhận định rằng môi trường hoạt động của các trường đại học đang thay đổi nhanh chóng do quá trình toàn cầu hóa

hóa giáo dục đại học, do những hoạt động mới nảy sinh trong giáo dục đại học, và do nhiều hình thức đa dạng của giáo dục đại học “xuyên biên giới” (INQAAHE, 2002). Toàn cầu hóa đặt ra cho hệ thống giáo dục đại học những yêu cầu cao hơn trong việc phát triển có chất lượng nhằm cung cấp cho sinh viên những nhu cầu học tập đa dạng, cho họ nhiều lựa chọn trong trong chương trình đào tạo, và một kết quả đào tạo tốt hơn dựa trên một nội dung chương trình nghiêm ngặt. Tiêu chuẩn cấp bằng và những thủ tục cấp bằng đang trở thành một chuẩn mực chung có tính quốc tế. Các nhà tuyển dụng đưa ra những yêu cầu chất lượng cao bất kể biên giới quốc gia. Các hiệp hội, tổ chức nghề nghiệp đặt ra những tiêu chuẩn nghiêm khắc hơn mang tính quốc tế.

Trong bối cảnh đó, việc xếp hạng trường đại học ở phạm vi khu vực, thế giới trở thành một đòi hỏi tất yếu trong việc đánh giá chất lượng và hoạt động trường đại học một cách công khai và khách quan hơn. Khi giáo dục đại học Việt Nam bước vào giai đoạn hội nhập quốc tế, việc xếp hạng đại học ở phạm vi khu vực, toàn cầu đặt ra như một nhu cầu tất yếu của xã hội về quyền được thông tin về chất lượng và hoạt động của trường đại học. Mặc dù các tiêu chuẩn xếp hạng đại học vẫn còn phiến diện và không phản ánh hết chất lượng thật sự của trường đại học, và lại các trường đại học có thể có những mặt mạnh đặc thù khó đem so sánh với trường đại học khác, nhưng không thể phủ nhận một điều việc xếp hạng đại học cho biết trường đại học đang đứng ở đâu trong khu vực, thế giới, để qua đó xác lập những cột mốc cụ thể cho từng giai đoạn trên con đường phát triển trong hướng phấn đấu nâng cao vị thế nền giáo dục đại học Việt Nam. Các trường đại học Việt Nam cũng cần biết vị thế tương quan so với các trường đại học khác trong khu vực, trên thế giới để xác định phương hướng, lộ trình

phát triển, nhanh chóng khắc phục tình trạng tụt hậu hiện nay so với thế giới...

Trong xu thế hội nhập hiện nay, khi nền giáo dục đại học của các châu lục, các quốc gia tiến dần đến công nhận bằng cấp, chương trình đào tạo của nhau thì xếp hạng đại học thế giới là sức ép thực sự đối với các trường đại học trong việc thiết lập các chuẩn mực, và phải đạt những chuẩn mực của khu vực và thế giới. Tham gia xếp hạng đại học thế giới cũng là cách tiếp cận thúc đẩy các trường đại học nâng cao chất lượng, khẳng định rộng rãi (quốc gia, khu vực, thế giới) về chất lượng đào tạo của nhà trường. Tham gia xếp hạng và công khai kết quả xếp hạng thế giới để xã hội biết là một việc làm có ý nghĩa bởi lẽ việc công khai kết quả xếp hạng để hiểu được “chất lượng” thực sự của các trường đại học. Cũng qua tham gia xếp hạng đại học thế giới không chỉ là bảo vệ lợi ích cho “khách hàng” của các trường, mà còn để bảo vệ chính quyền lợi của các trường đại học, những trường đại học có thứ hạng cao có minh chứng thuyết phục cho việc khai thác và tìm kiếm các nguồn đầu tư, dự án về cho trường. Có vậy, xếp hạng đại học mới thực sự là đòn bẩy nâng cao chất lượng, giúp quảng bá các trường đại học, cũng như khẳng định hiệu quả thực sự công tác đảm bảo chất lượng mà trường đang thực hiện.

4.2. Tham gia xếp hạng đại học thế giới là một xu thế không tránh khỏi khi giáo dục đại học Việt Nam tham gia hội nhập vào khu vực và thế giới. Mặt khác, tham gia xếp hạng đại học thế giới cũng là cách tiếp cận tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của các trường đại học Việt Nam. Mặc dù còn nhiều khuyết điểm, bất cập, nhưng xếp hạng đại học thế giới đã cung cấp những thông tin rất hữu ích, đặc biệt cho những người lãnh đạo, quản lý trường đại học biết vị trí của trường mình trên bản đồ giáo dục đại học thế giới; có

những căn cứ khách quan để đưa ra chỉ tiêu phấn đấu cho trường.

Các trường đại học Việt Nam cũng không thể nằm ngoài trào lưu xếp hạng đại học thế giới. Để chủ động tham gia xếp hạng đại học thế giới, cần nghiên cứu sâu các bảng xếp hạng đại học khu vực và thế giới; chọn ra bảng xếp hạng đại học phù hợp với sứ mạng, mục tiêu, điều kiện hoạt động của trường để tham gia; đồng thời có chiến lược cải thiện chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của trường theo các tiêu chí của bảng xếp hạng đại học đã chọn.

Trong các bảng xếp hạng đại học thế giới phổ biến hiện nay, [15] bảng xếp hạng QS World là một bảng xếp hạng đại học được đánh giá khá cân bằng, không thiên quá mức các trường đại học nghiên cứu. Bảng xếp hạng đại học này cũng phản ánh xu hướng quốc tế hóa trong giáo dục đại học và quan điểm tiếp cận giáo dục đại học nhìn từ góc độ các nhà tuyển dụng. Bảng xếp hạng QS World hiện đang là sự lựa chọn của nhiều trường đại học trên thế giới, đặc biệt là ở khu vực “vùng trung của giáo dục đại học” như khu vực Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Trên thực tế đã có nhiều trường đại học khu vực Đông Nam Á tham gia vào bảng xếp hạng đại học QS World, và đã lọt vào danh sách 500 (thậm chí ở top 200-300).

Cho đến nay, 3 trường đại học hàng đầu Việt Nam là Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và Trường Đại học Bách khoa Hà Nội chỉ mới xuất hiện ở trong top 300 trường đại học tốt nhất tại châu Á theo bảng xếp hạng QS World, chứ chưa lọt được vào bảng xếp hạng thế giới [16, 17]. Trường Đại học FPT được xếp hạng trường đại học Ba sao theo bảng xếp hạng QS Stars vào năm 2013 [18]. Do vậy, khả năng các trường đại học Việt Nam phấn đấu đạt thứ hạng cao trong bảng xếp hạng QS Châu Á là khả thi, nếu nghiên cứu thật kỹ những tiêu chí của QS Châu Á, phân tích

những điểm yếu của mình, có kế hoạch đầu tư để cải thiện những điểm yếu. Khi đã tham gia vào một bảng xếp hạng đại học nào đó, thì mới tiếp tục nghĩ đến việc tiếp tục tham gia những bảng xếp hạng đại học thế giới khác với những đòi hỏi khắc khe hơn.

Xếp hạng đại học còn thể hiện ở các tiêu chí, chỉ số, trọng số,... đây cũng chính là vấn đề kĩ thuật xoay quanh các con số. Nếu đã là vấn đề kĩ thuật thì chính các trường đại học cũng có thể tác động và điều chỉnh được các hoạt động của mình để các chỉ số đó có thể biến đổi nhằm đạt được các thứ hạng cao hơn trong bảng xếp hạng đại học. Điều này cho thấy, việc xếp hạng trường đại học như thế nào còn phụ thuộc khá nhiều vào cách thức cung cấp dữ liệu theo yêu cầu của bảng xếp hạng đại học. Chẳng ngạc nhiên gì khi một trường đại học điền phiếu khảo sát qua loa có khả năng bị xếp hạng thấp hơn một trường đại học điền phiếu khảo sát rất cẩn trọng, biết cách cung cấp đầy đủ dữ liệu theo yêu cầu bảng xếp hạng đại học. Do vậy, để đạt thứ hạng cao trong một bảng xếp hạng đại học, bên cạnh việc nghiên cứu rất kĩ bảng xếp hạng đại học đó, có kế hoạch cải thiện kết quả xếp hạng; các trường đại học cần đầu tư xây dựng và duy trì một cơ sở dữ liệu thật tốt, cung cấp đầy đủ dữ liệu cho các phiếu khảo sát, đào tạo những chuyên gia am hiểu thật sâu sắc về xếp hạng đại học thế giới, có đủ năng lực, khả năng phân tích và trả lời các câu hỏi khảo sát.

5. Kết luận

Lịch sử của các bảng xếp hạng đại học gắn liền với sự phát triển giáo dục đại học trên thế giới. Các bảng xếp hạng đại học lần lượt ra đời và phát triển với mục tiêu cố gắng xác định vị thế trường đại học trong khu vực, thế giới; phục

vụ sự cạnh tranh, phát triển của giáo dục đại học trong xu thế toàn cầu hóa. Sự phát triển và tầm ảnh hưởng của các bảng xếp hạng đại học ngày càng rộng khắp là điều không cần phải bàn cãi. Đối diện với sức lan toả nhanh chóng đó, hoặc là chúng ta nhất quyết bỏ qua, không bận tâm đến bất cứ bảng xếp hạng đại học nào, hoặc là tìm cách phân tích để hiểu rõ phạm vi giới hạn của chúng nhằm có cách sử dụng thích hợp nhất (Altbach, 2006; Salmi, Saroyan, 2007).

Các trường đại học Việt Nam cũng không nằm ngoài trào lưu xếp hạng đại học thế giới. Cần nghiên cứu sâu các bảng xếp hạng đại học, lựa chọn hệ thống xếp hạng phù hợp để tham gia vào thời điểm thích hợp, đồng thời có kế hoạch cải thiện chất lượng giảng dạy và nghiên cứu của trường theo các tiêu chí của bảng xếp hạng đã chọn. Điều cần quan tâm là các trường đại học phải xác định rõ mục đích tham gia xếp hạng đại học, chủ động tham gia xếp hạng đại học, biết sử dụng kết quả xếp hạng đại học như căn cứ khách quan để đưa ra những chỉ tiêu phấn đấu cho trường.

Tài liệu tham khảo

- [1] <http://china.globaltimes.cn/society/2011-02/623719.html>.
- [2] Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020.
- [3] 朱明, 基于大学排名的世界一流学科评价问题研究[J], 研究生教育研究出版社, 2012 () : 52-59
- [4] Usher, A & Savino, M.. A World of Difference: A Global Survey of University League Tables. Canadian Education Report Series. 2006. Retrieved from: <http://www.educationalpolicy.org>
- [5] N.C. Liu & Y.Cheng, "Academic Rankings of World Universities – Methodologies and Problems", 2005, page 1, available at <http://www.arwu.org/rank/file/ARWU-M&P.dbf>

- [6] “College and universities rankings”, http://en.wikipedia.org/wiki/College_and_universities_rankings
- [7] “Methodology of ARWU2020”, <http://www.arw.org/ARWUMethodo2010.jsp>.
- [8] <http://www.timeshighereducation.co.uk/story.asp?sectioncode=26&storycode=411907&c=1> Baty P. THE unveils broad, rigorous new rankings methodology. Times Higher Education. Retrieved dated March 12, 2014
- [9] The World University Rankings. The World University Rankings Methodology [EB/OL].
- [10] <http://www.timeshighereducation.co.uk/world-university-rankings/2013-14/world-ranking/methodology>, 2014-08-26. <http://www.timehighereducation.co.uk/story.asp?sectioncode=26&storycode=411907&c=1> Baty P. 2010. THE unveils broad, rigorous new rankings methodology. Times Higher Education, 3 June 2010.
- [11] <http://www.usnews.com/articles/education/worlds-best-universities/2010/02/25/worlds-best-universities-the-methodology.html>. Morse R. World's Best Universities: the methodology. U.S.News & World Report. Retrieved dated March 15.
- [12] <http://www.iu.qs.com/university-rankings/employer-survey-responses>
- [13] <http://www.usnews.com/articles/education/worlds-best-universities/2010/02/25/worlds-best-universities-the-methodology.html>. Morse R. World's Best Universities: the methodology. U.S.News & World Report. Retrieved dated March 15, 2014
- [14] “Comparing QS Asian University Ranking 2010”, <http://www.timeshighereducation.co.uk/world-universities.com/university-rankings/world-university-ranking/2010>.
- [15] “College and universities rankings”, http://en.wikipedia.org/wiki/College_and_universities_rankings
- [16] Trong bảng xếp hạng đại học QS Châu Á năm 2014, Đại học Quốc gia Hà Nội xếp trong nhóm từ 161-170, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh xếp trong nhóm 191-200, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội nằm trong nhóm từ 251-300, <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/175633/2-dai-hoc-viet-nam-vao-top-200-khu-vuc-chau-a.html>
- [17] Trong bảng xếp hạng đại học QS Châu Á các năm 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, Đại học Quốc gia Hà Nội lần lượt có thứ hạng 367, 232, 240, 249, <http://www.vnu.edu.vn/home/?C2110/N15075/Xep-hang-cua-DHQGHN.htm>
- [18] <http://vtc.vn/dai-hoc-dau-tien-viet-nam-duoc-xep-hang-quoc-te-3-sao.538.356237.htm>

World University Rankings

Đinh Ái Linh¹, Trần Trí Trinh²

¹*Vietnam National University Hồ Chí Minh City, Vietnam*

²*National Academy of Public Administration (NAPA), Vietnam*

Abstract: University Ranking is an inevitable trend of higher education that we have to be aware of as Vietnam has entered the stage of international integration. University rankings that appear in the region and the world have posed as a demand of society and a necessity of the rights to be supplied with information about the quality and operation of an university. Taking part in World university ranking is also to actively promote and assure the quality of an university, widely confirmed (national, regional, world) on this field. Vietnamese universities should actively participate in university rankings and should know how to use these results as an objective foundation to identify the criteria that universities could strive to overcome as Vietnam is still lagging behind the region and the world.

Keywords: Unversity; University ranking, World unversity ranking table.